TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày: 19-11-2019
V/v tranh chấp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học;

2. Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐ-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Quách Kim L, sinh năm 1977 và ông Nguyễn Văn S (chồng bà L).

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bà M có đơn xin vắng mặt; bà L và ông S vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2019 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Tuyết M trình bày yêu cầu khởi kiện:

Ngày 06 tháng 01 năm 2019 âm lịch, bà M có mở dây hụi ngày do bà M làm chủ hụi, loại hụi 100.000 đồng, gồm có 60 chưng, vợ chồng bà L, ông S tham gia chơi 10 chưng và đã hốt đầu 10 chưng, mỗi chưng được 4.500.000 đồng, trừ cò 100.000 đồng, số tiền còn lại là 4.400.000 đồng x 10 chưng = 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng), vợ chồng bà L, ông S cùng nhận tiền và ông S có ký vào giấy giao nhận tiền hụi. Sau khi hốt hụi vợ chồng bà L, ông S có đóng hụi chết được 03 lần (03 ngày) với số tiền là 3.000.000 đồng.

Từ ngày 18 tháng 01 năm 2019 âm lịch không đóng hụi cho đến ngày mãn hụi ngày 07 tháng 3 năm 2019 âm lịch là 47 ngày = 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng). Nay bà M yêu cầu vợ chồng bà L, ông S cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà M số tiền hụi còn nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Bị đơn bà Quách Kim L và ông Nguyễn Văn S, Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định bà L và ông S không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp và phiên hòa giải 02 lần nhưng bị đơn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Tuyết M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu này của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn là vợ chồng bà Quách Kim L và ông Nguyễn Văn S, Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với vợ chồng bà Quách Kim L và ông Nguyễn Văn S.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Tuyết M khởi kiện vợ chồng bà Quách Kim L và ông Nguyễn Văn S nợ tiền hụi nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp hụi.

[2] Áp dụng pháp luật: Tòa án thụ lý ngày 08 tháng 7 năm 2019 nên áp dụng Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường để giải quyết; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính án phí.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M đối với vợ chồng bà L và ông S:

Bà M có mở dây hụi ngày khui ngày 06 tháng 01 năm 2019 âm lịch, loại hụi 100.000 đồng, gồm có 60 chưng, vợ chồng bà L, ông S tham gia chơi 10 chưng và đã hốt đầu 10 chưng với số tiền là 44.000.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu đồng), vợ chồng bà L, ông S cùng nhận tiền và ông S có ký vào giấy giao nhận tiền hụi. Sau khi hốt hụi vợ chồng bà L, ông S có đóng hụi chết được 03 lần (03 ngày) với số tiền là 3.000.000 đồng. Từ ngày 18 tháng 01 năm 2019 âm lịch không đóng hụi cho đến ngày mãn hụi ngày 07 tháng 3 năm 2019 âm lịch là 47 ngày = 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Xét thấy, phía bị đơn bà L và ông S Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định mà bà L và ông S không có văn bản thể hiện ý kiến phản đối việc khởi kiện của bà M và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên được xem là chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Mặt khác, việc giao dịch hụi giữa bà M với vợ chồng bà L thì khi giao tiền hụi ông S có ký vào giấy nhận tiền hụi (bút lục số 43). Như vậy, có cơ sở xác định bà L và ông S sau khi hốt hụi không đóng hụi chết đầy đủ cho bà M nên bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L, ông S cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà M số tiền hụi còn nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ và cũng phù hợp theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình về trách nhiệm liên đới của vợ chồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà L và ông S chậm thanh toán tiền thì hàng tháng bà L và ông S còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận toàn bộ nên bà L và ông S phải có trách nhiệm liên đới chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền 47.000.000 đồng là 2.350.000 đồng.

Bà M không phải chịu án phí, bà M thuộc trường hợp được miễn dự nộp tạm ứng án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147, 264, 266, 267, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 17, 23, 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Tuyết M về việc khởi kiện vợ chồng bà Quách Kim L và ông Nguyễn Văn S yêu cầu thanh toán tiền hụi. Buộc vợ chồng bà Quách Kim L và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Tuyết M tổng số tiền hụi còn nợ là 47.000.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà L và ông S chậm thanh toán tiền thì hàng tháng bà L và ông S còn phải chịu thêm khoản lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà L và ông S phải có trách nhiệm liên đới chịu nộp án phí là 2.350.000 đồng.

Bà Nguyễn Tuyết M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà M là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo